

Số: 6418/TTtr-UBND

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số: 2948 Ngày: 03/7
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 18/6/2019;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố (gọi tắt là Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND) với các nội dung như sau:

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 33/2016/NQ-HĐND

1. Căn cứ pháp lý

a) Ngày 24/4/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực thi hành từ ngày 25/6/2019). Nghị định số 34/2019/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số điều hết sức trọng tâm của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; cụ thể:

- Quy định giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tương ứng cho từng loại đơn vị hành chính cấp xã;

- Quy định lại mức khoán quỹ phụ cấp do ngân sách Trung ương chi trả theo hướng giảm khoán quỹ phụ cấp tương ứng với số lượng người hoạt động không chuyên trách cho từng loại đơn vị hành chính cấp xã;

- Quy định cụ thể số lượng và chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm 03 người cho 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận.

b) Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Theo đó, quy định kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã như sau: "Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, mức tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm và cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động". Như vậy, so với quy định hiện hành thì cần điều chỉnh kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã để phù hợp với quy định của Trung ương.

Do đó, những quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh không còn phù hợp với những nội dung được điều chỉnh, sửa đổi nêu trên của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và các văn bản liên quan khác của Trung ương.

2. Về căn cứ thực tiễn

Qua các cuộc tiếp xúc cử tri trước các kỳ họp của HĐND tỉnh trong nhiều năm qua, nhiều cử tri đã kiến nghị cần nâng chế độ phụ cấp đối với các chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; đồng thời, đề nghị có chính sách hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố gồm: Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh, Nông dân; và có cơ chế hỗ trợ, bồi dưỡng cho những người trực tiếp làm cho các tổ chức đoàn thể này như: Chi hội trưởng các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố.

Từ những quy định nêu trên tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và ý kiến của cử tri từ thực tiễn, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

- Đảm bảo hệ thống pháp lý về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đầy đủ, đồng bộ, không bị chồng chéo;

- Giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Thực hiện nhất thể hóa các chính sách do Trung ương quy định về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố để thống nhất triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh;

- Cụ thể hóa các nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng dẫn của văn bản cấp trên; đồng thời không trái với quy định của pháp luật hiện hành;

- Các nội dung quy định các chính sách về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cần phải rõ ràng, có tính khả thi cao và tuân thủ theo đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngay sau khi có ý kiến kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 18/6/2019 về việc khẩn trương trình kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi hoặc thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, UBND tỉnh có Công văn số 5836/UBND-TH giao Sở Nội vụ khẩn trương xây dựng và tham mưu trình Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo trình tự thủ tục rút gọn.

- Sở Nội vụ đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố;

- Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố gửi lấy ý kiến Ban Tổ chức tỉnh Ủy, UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Đoàn thể chính trị tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời đề nghị Sở Tư pháp thẩm định. Song song với việc lấy ý kiến bằng văn bản, ngày 29/6/2019, Sở Nội vụ cũng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các cơ quan, địa phương liên quan đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung nêu trên.

Trên cơ sở ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Đính kèm Dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm tra của Sở Tư pháp)

IV. NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THAY THẾ

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản liên quan khác của Trung ương; UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-UBND trên một số nội dung trọng tâm sau:

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giao theo phân loại đơn vị hành chính xã giảm từ 08 đến 09 người cho mỗi loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

- Loại 1: tối đa 14 người (theo NĐ số 92/2009/NĐ-CP là 22 người);
- Loại 2: tối đa 12 người (theo NĐ số 92/2009/NĐ-CP là 20 người);
- Loại 3: tối đa 10 người (theo NĐ số 92/2009/NĐ-CP là 19 người)

2. Về số lượng chức danh, mức phụ cấp các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Giữ lại 15 chức danh do có yếu tố đặc thù về ngành lĩnh vực, chức danh thuộc chức vụ bầu ở các tổ chức đoàn thể. Giữ nguyên mức phụ cấp của từng chức danh theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, cụ thể:

- 05 chức danh đoàn thể ở cấp xã do thuộc các chức danh bầu cử;
- 01 chức danh là Chủ tịch Hội người cao tuổi vì có uy tín, ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ gìn giữ khối đại đoàn kết ở địa phương;
- 04 chức danh đặc thù của ngành là: Phó Trưởng công an xã, Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã, Công an viên thường trực và Nhân viên thú y;
- 05 chức danh có số lượng người đang bố trí thực tế khá đông và có tính chất công việc đặc thù không thể ghép chung với chức danh khác là: Người làm công tác văn phòng Đảng ủy (hiện đang bố trí 133 người đảm nhiệm), người làm công tác bảo vệ rừng (hiện đang bố trí 96 người đảm nhiệm), người làm công tác tiếp nhận và trả kết quả ((hiện đang bố trí 106 người đảm nhiệm), người làm công

tác văn thư – lưu trữ (hiện đang bố trí 136 người đảm nhiệm), người làm công tác nội vụ - dân tộc – tôn giáo – thi đua – khen thưởng (hiện đang bố trí 135 người đảm nhiệm).

b) Ghép 02 chức danh có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, giữ nguyên mức phụ cấp cao nhất của chức danh theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh là: Người làm công tác ở Đài truyền thanh; người làm công tác quản lý Nhà văn hóa thành chức danh mới là người làm công tác Đài truyền thanh - quản lý Nhà văn hóa.

c) Bỏ 13 chức danh: Trong đó 04 chức danh do có chức năng, nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ của các chức danh cán bộ, công chức cấp xã hiện nay; 05 chức danh hiện đang quy định là chức danh kiêm nhiệm bắt buộc không thuộc chức danh bố trí chính; 04 chức danh được quy định là bố trí chính nhưng thực chất cũng đã có chức danh khác kiêm nhiệm, bao gồm:

- 04 chức danh do có chức năng, nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ của các chức danh cán bộ, công chức cấp xã hiện nay:

+ Người làm công tác giao thông - thủy lợi - xây dựng nông thôn mới hoặc người làm công tác môi trường đô thị;

+ Người làm công tác lao động - thương binh và xã hội;

+ Người làm công tác gia đình và trẻ em;

+ Người làm công tác quản lý nông nghiệp.

- 05 chức danh hiện đang quy định là chức danh kiêm nhiệm bắt buộc:

+ Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra;

+ Người làm công tác Tổ chức đảng ủy;

+ Trưởng khối dân vận;

+ Thủ quỹ;

+ Chủ tịch công đoàn.

- 04 chức danh được quy định là bố trí chính nhưng thực chất cũng đã có chức danh khác kiêm nhiệm:

+ Người làm công tác Tuyên giáo đảng ủy;

+ Trưởng Ban Thanh tra nhân dân;

+ Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên;

+ Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

Sau khi điều chỉnh về chức danh, ở cấp xã sẽ có 16 chức danh hoạt động không chuyên trách (giảm 14 chức danh so với Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND), mức phụ cấp vẫn được giữ nguyên theo Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND. Căn cứ theo mức khoán quỹ phụ cấp theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP thì sau khi trừ kinh phí nhà nước hỗ trợ đóng BHXH và BHYT, hệ số phụ cấp tính bình quân cho từng

chức danh bằng 0,97 lần so với mức lương cơ sở, trong khi đó hệ số phụ cấp đang thực hiện bình quân cho từng chức danh bằng 0,94 lần so với mức lương cơ sở.

(Có phụ lục 1 về khoản quỹ phụ cấp ở cấp xã)

3. Về số lượng người, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Số lượng người, chức danh

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận.

Đối với những đối tượng khác khi tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

b) Mức phụ cấp

- Chức danh Bí thư Chi bộ: 1,0 so với mức lương cơ sở (tăng 0,2 mức lương cơ sở so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND);

- Chức danh Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố: 1,0 so với mức lương cơ sở (tăng 0,1 mức lương cơ sở so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND);

- Chức danh Trưởng ban công tác mặt trận: 1,0 so với mức lương cơ sở (tăng 0,2 mức lương cơ sở so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND).

Tổng mức khoán phụ cấp theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP hàng năm là: 62.937.600.000 đồng/năm; tổng kinh phí thực hiện theo phương án đề xuất nêu trên (có bao gồm hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế) là: 54.696.708.000 đồng. Như vậy, kinh phí dôi dư là: 8.240.892.000 đồng/năm.

(Có phụ lục 2 về khoản quỹ phụ cấp ở thôn, tổ dân phố)

Do Nghị định 34 quy định những đối tượng khác khi tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có) nên đề nghị điều chuyển kinh phí dôi dư này dùng để tăng kinh phí hoạt động cho các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố nhằm trích hỗ trợ bồi dưỡng cho các đối tượng liên quan này. Việc bồi dưỡng thực hiện theo quy chế hoạt động của các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố.

4. Về mức phụ cấp kiêm nhiệm

- Cán bộ, công chức cấp xã nếu đã được bố trí vào 01 chức danh chính thức, đồng thời kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được

hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm (tăng 30% so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND);

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác mà giảm được người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm.

- Người kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ngoài số lượng quy định cho từng đơn vị hành chính cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm (tăng 5% so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND).

5. Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã

Căn cứ quy định tại Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Theo đó, quy định kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã ở mức tối thiểu là 5 triệu đồng/Ban/năm.

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã đúng bằng mức tối thiểu do Trung ương quy định, vì kinh phí hoạt động này được điều chỉnh tăng lên khá cao và do ngân sách địa phương đảm bảo nên đề nghị được áp dụng chung cho các xã, phường, thị trấn, không phân biệt vùng miền như quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND.

Thực hiện theo quy định trên, ngân sách tỉnh phải bổ sung kinh phí hàng năm là: 346.500.000 đồng/năm (ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

(Có phụ lục 3 về kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cấp xã)

6. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố

Theo như giải trình nêu trên, số kinh phí dôi dư từ khoản quỹ phụ cấp của Trung ương là 8.240.892.000 đồng/năm, dùng để tăng kinh phí hoạt động hàng năm cho các các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố (số lượng các Chi hội ở thôn, tổ dân phố tạm tính ở mức tối đa được bố trí theo từng thôn, tổ dân phố):

- Ban Công tác Mặt trận thôn: 3.500.000 đồng/ban/năm. (tăng 2.000.000 đồng/ban/năm so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND). Kinh phí phải tăng thêm là: 2.000.000 đồng x 990 thôn, tổ = 1.980.000.000 đồng/năm.

- Chi Hội Phụ nữ, Chi Hội Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi Hội Cựu chiến binh, Chi Hội Nông dân: 4.000.000 đồng/chi hội/năm. (tăng 1.600.000 đồng/Chi hội/năm so với quy định tại Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND). Kinh phí phải tăng thêm là: 1.600.000 đồng x 990 thôn, tổ x 4 = 6.336.000.000 đồng/năm.

Tổng kinh phí để tăng kinh phí hoạt động cho các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố là: 8.316.000.000 đồng/năm. Ngân sách tỉnh cần bổ sung thêm là: 8.316.000.000 đồng – 8.240.892.000 đồng = 75.108.000 đồng/năm.

7. Về chế độ giải quyết các đối tượng dôi dư

Sau khi điều chỉnh chức danh, thực hiện việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo số lượng quy định mới; những người hoạt động không chuyên trách bị dôi dư nếu địa phương không sắp xếp được công tác khác thì giải quyết chế độ nghỉ việc theo quy định.

8. Các chế độ chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố vẫn giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục của Dự thảo Nghị quyết gồm 08 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố (gọi chung là ở thôn) như sau:

- Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn

- Điều 3. Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

- Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

- Điều 5. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

- Điều 6. Chế độ nghỉ việc

- Điều 7. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn

- Điều 8. Kinh phí thực hiện

- Điều 9. Tổ chức thực hiện

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, XDCQ&CTTN.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

Phụ lục 1
KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP Ở CẤP XÃ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2019/NĐ-CP
(Tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)

TT	Nội dung	Số lượng cấp xã	Số lượng thôn	Số lượng tổ dân phố	Khoản quỹ phụ cấp theo phân loại xã (đã bao gồm hỗ trợ BHXH, BHYT)		Kinh phí hỗ trợ BHXH, BHYT do cơ quan nhà nước chi trả		Kinh phí khoản quỹ để chi trả mức phụ cấp (đồng/năm)	Hệ số phụ cấp bình quân theo mức khoán phụ cấp cho một chức danh (so với mức lương cơ sở)	Hệ số phụ cấp bình quân đang thực hiện cho một chức danh (so với mức lương cơ sở)
					Khoản quỹ phụ cấp theo phân loại xã (đồng/tháng)	Tổng khoản quỹ phụ cấp theo phân loại xã (đồng/năm)	BHXH (14% mức lương cơ sở) (đồng/năm)	BHYT (3% mức lương cơ sở) (đồng/năm)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 7-8-9	11	12
1	Cấp xã loại 1	69	249	397	1.644.960.000	19.739.520.000	2.418.091.200	518.162.400	16.803.266.400		
2	Cấp xã loại 2	60	228	82	1.224.780.000	14.697.360.000	1.802.304.000	386.208.000	12.508.848.000	0,97	0,94
3	Cấp xã loại 3	8	18	16	135.888.000	1.630.656.000	200.256.000	42.912.000	1.387.488.000		
Tổng cộng		137	495	495	3.005.628.000	36.067.536.000	4.420.651.200	947.282.400	30.699.602.400		

Phụ lục 2
KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2019/NĐ-CP

(Tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)

TT	Đơn vị	Số lượng	Khoản quỹ phụ cấp theo thôn, tổ dân phố theo Nghị định 34							Kinh phí thực hiện theo phương án đề xuất			Chênh lệch
			Quỹ phụ cấp thôn 5,0 (đồng/năm)	Quỹ phụ cấp thôn 3,0 (đồng/năm)	Quỹ phụ cấp TDP 3,0 (đồng/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)	Kinh phí chi trả phụ cấp (đồng/năm)	Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (đồng/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 10 - 11			
1	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên	254	22.707.600.000			22.707.600.000	13.624.560.000	408.736.800	14.033.296.800	-8.674.303.2			
2	Thôn thuộc xã trọng điểm QP, AN (đã tính trừ các thôn thuộc mục 1 khi trùng)	21	1.877.400.000			1.877.400.000	1.126.440.000	33.793.200	1.160.233.200	-717.166.80			
3	Thôn còn lại	220		11.800.800.000		11.800.800.000	11.800.800.000	354.024.000	12.154.824.000	354.024.00			
4	Tổ dân phố	495			26.551.800.000	26.551.800.000	26.551.800.000	796.554.000	27.348.354.000	796.554.00			
Tổng cộng		990	24.585.000.000	11.800.800.000	26.551.800.000	62.937.600.000	53.103.600.000	1.593.108.000	54.696.708.000	-8.240.892.00			

22

Phụ lục 3
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở CẤP XÃ

TT	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí đang thực hiện		Kinh phí theo quy định mới		Chênh lệch (đồng/năm)
			Định mức (đồng/ban/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)	Định mức (đồng/ban/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 7 - 5
1	Phường, thị trấn	40	3.000.000	120.000.000	5.000.000	200.000.000	80.000.000
2	Xã đồng bằng	49	2.500.000	122.500.000	5.000.000	245.000.000	122.500.000
3	Xã miền núi, vùng cao	48	2.000.000	96.000.000	5.000.000	240.000.000	144.000.000
Tổng cộng		137		338.500.000		685.000.000	346.500.000

28

Số: /2019/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố (gọi chung là ở thôn) như sau:

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm 16 chức danh. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận thôn. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh quy định tại Khoản 2 Điều này không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn

1. Loại 01: 14 người.

2. Loại 02: 12 người.

3. Loại 03: 10 người.

4. Việc xếp loại đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định việc bố trí, bố trí kiêm nhiệm đối với các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn cho từng đơn vị hành chính cấp xã và thôn.

Điều 3. Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

1. Thực hiện đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại Khoản 7, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã nếu đã được bố trí vào 01 chức danh chính thức, đồng thời kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác mà giảm được người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm.

3. Người kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ngoài số lượng quy định cho từng đơn vị hành chính cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng là 35.000 đồng/ 01 ngày công (ba mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Điều 6. Chế độ nghỉ việc

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ hưu trí, mất sức, khi nghỉ việc, nếu không vi phạm kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm thì được hưởng trợ cấp một lần, mức trợ cấp được tính cứ mỗi năm công tác bằng một phần hai ($\frac{1}{2}$) tháng phụ cấp của chức danh đảm nhận chính khi nghỉ việc. Đối với những chức danh người hoạt động không chuyên trách được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định chế độ trợ cấp nghỉ việc cao hơn mức quy định tại Nghị quyết này thì hưởng theo mức cao hơn đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu trước đây đã là cán bộ, công chức trong số lượng quy định của Chính phủ được chuyển sang đảm nhận chức danh những người hoạt động không chuyên trách mà chưa được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ việc, nay tiếp tục hoạt động không chuyên trách thì khi nghỉ việc, được cộng dồn thời gian công tác vào thời gian tính trợ cấp nghỉ việc theo Nghị quyết này.

3. Thời gian công tác có tháng lẻ để giải quyết chế độ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 06 tháng đến dưới 01 năm được tính tròn 01 năm công tác;

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được tính một phần hai ($\frac{1}{2}$) năm công tác;

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính.

4. Sau khi bố trí các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết này, những người hoạt động không chuyên trách bị dôi dư nếu địa phương không sắp xếp, bố trí được công tác khác thì giải quyết chế độ nghỉ việc theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 của Điều này.

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn

1. Đối với tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:
 - a) Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: 5.000.000 đồng/ban/năm;
 - b) Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi xã, Ban Tuyên giáo Đảng ủy xã: 1.500.000 đồng/ban/năm.
 - c) Khối Dân vận cấp xã: 1.500.000 đồng/khối/năm.
2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn:
 - a) Ban Công tác Mặt trận thôn: 3.500.000 đồng/ban/năm.
 - b) Chi Hội Phụ nữ, Chi Hội Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi Hội Cựu chiến binh, Chi Hội Nông dân: 4.000.000 đồng/chi hội/năm.
3. Kinh phí hỗ trợ được chi cho các hoạt động sau:
 - a) Mua văn phòng phẩm phục vụ cho công tác;
 - b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
 - c) Hoạt động hội họp; công tác hòa giải; kiểm tra, giám sát các hoạt động theo chức năng của mỗi tổ chức;
 - d) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của tổ chức;
 - đ) Chi bồi dưỡng cho người tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố có liên quan đến tổ chức.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách cấp xã đảm nhận. Trường hợp ngân sách cấp xã không cân đối được, ngân sách cấp trên xem xét, bổ sung.
2. Căn cứ số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính

trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn.

Điều 9. Tổ chức và giám sát thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài Chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh; Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, Các Ban Đảng;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể;
- Sở Tư pháp; Sở Nội vụ;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

Phụ lục I
CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)
1	Người làm công tác văn phòng Đảng ủy	1,2
2	Phó Trưởng Công an xã (đối với xã chưa bố trí công an chính quy)	1,2
3	Phó Chỉ Huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	1,2
4	Người làm công tác tiếp nhận và trả kết quả	1,0
5	Người làm công tác quản lý Nhà văn hóa - Công tác ở Đài truyền thanh	1,0
6	Người làm công tác bảo vệ rừng	1,0
7	Người làm công tác văn thư – lưu trữ	1,0
8	Người làm công tác nội vụ - dân tộc – tôn giáo – thi đua khen thưởng	1,0
9	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,85
10	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,8
11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,8
12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,8
13	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,8
14	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,8
15	Công an viên thường trực ở xã (đối với xã chưa bố trí công an chính quy)	0,9
16	Nhân viên thú y	1,0

Phụ lục II

**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)
I	Chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	
1	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	1,0
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	1,0
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố	1,0